

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2019/DS-PT
Ngày 25-6-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Anh

Các Thẩm phán:

Ông Phan Trí Dũng

Bà Lưu Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2019/TLPT-DS ngày 28/01/2019 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2019/QĐPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 39/QĐ-TNPT ngày 25/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 178, khu phố 4, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 178, khu phố 4, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn Ph, sinh năm 1954; địa chỉ: Khu phố 3B, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 79/4, ấp BL 2, xã GT 2, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1925; địa chỉ: Khu phố 2, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Nguyễn Văn VT, sinh năm 1935; địa chỉ: Khu phố PN, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1943; địa chỉ: Số 1273, đường 3, Phường 2, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1949; địa chỉ: Khu phố 4, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

6. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố 3B, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

7. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1937; địa chỉ: Ấp SN, xã TB, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

8. Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 178, khu phố 4, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

9. Ông Thạch Dũng Ch, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 178, khu phố 4, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

10. Bà Lê Thị T4, sinh năm 1941; địa chỉ: Khu phố An Hòa, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

11. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1940; địa chỉ: Số 228 (số cũ 113A), NTN, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã chết ngày 14/7/2018 theo Giấy chứng tử số 47 ngày 16/7/2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

11.1 Bà Nguyễn Thị TR, sinh năm 1968; địa chỉ: Số B26B, lô B, chung cư BĐ, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

11.2 Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 228 (số cũ 113A), NTN, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

11.3 Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 1225/86, PTH, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

11.4 Ông Nguyễn Tấn T5, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 004 lô E, chung cư N, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

11.5 Ông Nguyễn Anh T7, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 228 (số cũ 113A), NTN, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ bản án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Thửa đất số 618, 619, 620, tờ bản đồ số 25, có tổng diện tích đo đạc 2.683,0m² (trong đó: HLATĐB 919.3m², ODT 300.0m², còn lại 1.463,7m²)

tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01215 QSDĐ/TH ngày 17/11/1999 do UBND huyện BC cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn Ph có nguồn gốc của ông Đặng Văn TH3 và Đoàn Thị TR (là ông bà nội) để lại cho ông Nguyễn Văn TH1 và bà Nguyễn Thị B1 (là cha, mẹ) của nguyên đơn và bị đơn sử dụng từ khi bà H và bà B còn nhỏ. Bà H và bà B cùng sinh sống với cha mẹ trên thửa đất cho đến năm 1989 thì cha chết; bà H và bà B vẫn sống cùng mẹ và sử dụng thửa đất cho đến năm 1994 mẹ chết thì mẹ giao lại thửa đất cho bà H và bà B quản lý, sử dụng cho đến nay.

Ông Nguyễn Văn TH1 và bà Nguyễn Thị B1 có 07 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Nh (chết ngày 14/7/2018), bà Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Tấn Ph, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Kim H.

Năm 2015, khi một số thửa đất của cha mẹ chết để lại vào quy hoạch được đền bù thì các anh, chị em trong gia đình đã chia số tiền trên.

Riêng các thửa đất còn lại gồm các thửa 836, 911, 485, 257, 203, 133, 210, 334, 618, 619, 920 tờ bản đồ số 25 thì anh chị em bà H và bà B vẫn chưa chia. Tất cả các thửa đất này đều do ông Nguyễn Tấn Ph đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trên thực tế ông Ph không phải là người sử dụng đất. Năm 1998, khi ông Ph đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì bà H và bà B có khiếu nại với chính quyền địa phương nhưng chính quyền địa phương nói ông Ph là con trai nên để ông Ph đăng ký là hợp lý, nghe vậy các bà ra về và đến năm 1999 thì ông Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với các thửa đất tranh chấp số 618, 619, 620 do bà H và bà B trực tiếp sử dụng từ khi còn ở với cha mẹ, toàn bộ giấy tờ về quyền sử dụng đất do bà H và bà B cất giữ. Sau khi cha mẹ chết bà H và bà B là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất cho tới nay. Việc sử dụng đất của bà H và bà B có kê khai với chính quyền địa phương, bà H và bà B cũng là người thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất cho địa phương. Từ cán bộ địa chính đến tất cả những người dân ở khu vực gần thửa đất đều biết việc này. Việc ông Ph kê khai đăng ký các thửa đất số 618, 619, 620 là không đúng. Do đó, bà H và bà B khởi kiện và khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn Ph phải trả lại quyền sử dụng đất thuộc các thửa 618, 619, 620, tờ bản đồ số 25 cho bà H và bà B.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà B thống nhất với lời trình bày của bà H về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng. Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn Ph phải trả lại quyền sử dụng đất thuộc các thửa 618, 619, 620, tờ bản đồ số 25 cho bà H và bà B.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn Ph trình bày:

Nguyên các thửa đất số 618, 619, 620, tờ bản đồ số 25, có tổng diện tích đo đạc 2.683,0m² (trong đó: HLATĐB 919.3m², ODT 300.0m², còn lại 1.463,7m²) tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01215 QSDĐ/TH ngày 17/11/1999 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn Ph có nguồn gốc của ông bà nội (tên ông Nguyễn Văn TH3 và bà Đoàn Thị TR) để lại cho cha mẹ ông Ph và các cô, chú, bác. Cha mẹ ông Ph sử dụng ổn định từ khi ông Ph sinh ra cho đến khi lớn lên ông Ph đều ở chung với cha mẹ, cùng cải tạo, sử dụng các thửa đất; khi cha mẹ già thì ông Ph khai thác đất trồng trọt và nuôi cha mẹ. Sau khi cha mẹ chết thì ông Ph mới về bên nhà vợ sinh sống. Bà H và bà B là chị, em của ông Ph. Bà H và bà B đã lấy chồng và ra ở riêng từ trước khi cha mẹ còn sống. Sau một thời gian thì bà H, bà B bỏ chồng về ở chung với cha mẹ trên đất. Khi cha mẹ còn sống thì cha mẹ có nói nguyện vọng là sẽ chia đôi các thửa đất 618, 619, 620 một nửa cho em trai của cha là ông Nguyễn Văn Th9, nửa còn lại thì để cho các con. Sau đó ông Ph vẫn quản lý toàn bộ các thửa đất trên, ông Ph có hỏi ý kiến của anh trai lớn là ông Nguyễn Văn Nh và con trai của chú Th9 là ông Nguyễn Văn Th, cả hai người đều đồng ý để các thửa đất trên cho ông Ph đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Ph có nói là hiện tại cho bà B, bà H ở trên đất, khi nào đi lấy chồng khác thì giao lại đất cho ông Ph để ông Ph làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Trên các thửa đất số 618, 619, 620 có 01 căn nhà của cha mẹ để lại; căn nhà có kết cấu mái ngói, vách tole, nền đất hiện tại căn nhà đang do bà H quản lý, sử dụng, bà H đã sửa chữa, tôn tạo thành nhà có vách xây bằng gạch, nền lát gạch. Ngoài ra trên đất còn có 01 căn nhà của bà B xây dựng sau năm 2001 và một cái chuồng trâu.

Năm 2001, ông Ph có nói với bà H và bà B là sẽ xây dựng nhà thờ trên thửa đất để thờ cúng ông bà, cha mẹ nhưng bà H, bà B không cho và khởi kiện đến bây giờ. Nay trước yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của bà H, bà B về việc buộc ông trả lại quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 618, 619, 620 cho bà H và bà B thì ông không đồng ý. Ông Ph đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nh, bà M, bà D, ông T1 trình bày:

Các thửa đất số 618, 619, 620, tờ bản đồ số 25, có tổng diện tích đo đạc 2.683,0m² (trong đó: HLATĐB 919.3m², ODT 300.0m², còn lại 1.463,7m²) tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc của ông bà nội tên Nguyễn Văn TH3 và Đoàn Thị TR để lại cho cha mẹ là ông Nguyễn Văn TH1 và bà Nguyễn Thị B1 và chú út Nguyễn Văn Th9 sử dụng. Sau đó chú Th9 chết, con chú Th9 là ông Nguyễn Văn Th chuyển về nhà ngoại sống nên giao lại cho ông TH1 và bà B1 sử dụng. Khi ông TH1 và bà B1 chết, các anh chị em trong gia đình thống nhất để cho ông Ph làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên để quản lý và thờ

cúng ông bà, cha mẹ. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H và bà B thì ông Nh, bà M, bà D, ông T1 yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, không yêu cầu chia mà đồng ý để ông Ph đứng tên chủ sở hữu đối với các thửa đất 618, 619, 620 để thờ cúng ông bà cha mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn VT trình bày: Ông VT là con của ông Nguyễn Văn Thao (đã chết), ông Thao là con của ông Nguyễn Văn TH3 và bà Đoàn Thị TR. Ông Thao có 9 người con, anh chị em giờ đã lớn tuổi nên ít liên lạc với nhau, ông VT không nắm rõ địa chỉ nên không thể cung cấp địa chỉ của anh em ông VT. Đối với cô, chú, bác đã chết từ lâu, ông VT không có liên hệ nên không thể biết tên và địa chỉ của vợ, chồng, con cái của cô, chú, bác. Nguồn gốc phần đất nguyên đơn tranh chấp với bị đơn do ông bà nội là ông TH3 và bà TR để lại. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông VT không có yêu cầu chia di sản đối với phần đất đang tranh chấp thuộc các thửa 618, 619, 620 tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông Q là con của ông Nguyễn Văn M4 (đã chết), ông M4 là con của ông TH3 và bà TR. Ông M4 có 10 người con nhưng một số người đã chết trong chiến tranh, người còn sống giờ đã lớn tuổi nên không liên lạc với nhau. Đối với cô, chú, bác đã chết từ lâu, ông Q không có liên hệ nên không thể biết tên và địa chỉ của vợ, chồng, con cái của cô, chú, bác. Nguồn gốc phần đất nguyên đơn tranh chấp với bị đơn do ông bà nội tên TH3 và bà TR để lại. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông Q không có yêu cầu chia di sản đối với phần đất đang tranh chấp thuộc các thửa 618, 619, 620 tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T4 trình bày: Bà là con của bà Nguyễn Thị M1 (đã chết), bà M1 là con của ông TH3 và bà TR. Bà M1 có 4 người con chỉ còn mình bà T4 còn sống những người còn lại đã chết (không nhớ chết năm nào) bà T4 không có liên lạc với vợ, chồng, con cái của anh em nên không thể cung cấp tên, địa chỉ của vợ, chồng, con cái của anh em bà T4. Cậu, dì đã chết từ lâu nên tôi không có liên hệ nên không thể biết tên và địa chỉ của vợ, chồng, con cái của cậu dì. Nguồn gốc phần đất nguyên đơn tranh chấp với bị đơn do ông bà ngoại tên Nguyễn Văn TH3 và bà Đoàn Thị TR để lại. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T4 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì đối với phần đất đang tranh chấp thuộc các thửa 618, 619, 620 tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông Th là con của ông Nguyễn Th9 (đã chết), ông Th9 là con của ông TH3 và bà TR. Ông Th9 có 3 người con, anh chị em đã chết từ lâu, ông Th không có liên lạc, không nắm rõ địa chỉ của họ nên không thể cung cấp địa chỉ của vợ, chồng, con cái anh em ông Th. Cô, chú, bác đã chết từ lâu nên ông không có

liên hệ nên không thể biết tên và địa chỉ của vợ, chồng, con cái của cô, chú, bác. Nguồn gốc phần đất nguyên đơn tranh chấp với bị đơn do ông bà nội tên TH3 và bà TR để lại. Ông Th nhớ ông bà nội nói đất của ông bà nội để lại cho cha ông Th là ông Th9 và bác là Nguyễn Văn TH1, nhưng sau đó ông Th về sống bên ngoại còn ba ông Th chết nên không có sử dụng, quản lý đất mà để lại cho bác TH1 sử dụng, sau khi bác mất các anh chị em trong gia đình thống nhất để anh Ph quản lý, đứng tên vì anh Ph là con trai út của ông TH1. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông Th không có yêu cầu chia di sản đối với phần đất đang tranh chấp thuộc các thửa 618, 619, 620 tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Dũng Ch và bà Đỗ Thị Thanh T trình bày: Bà T là con gái của bà H, ông Ch là con rể bà H, hai người hiện đang sinh sống cùng bà H trên phần đất đang tranh chấp. Ông Ch và bà T đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ trình bày: Ông Đ là con của ông Ph, ông Đ thống nhất với lời trình bày của ông Ph. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị TR, ông Nguyễn Duy L, ông Nguyễn Thanh T4, ông Nguyễn Tấn T5 và ông Nguyễn Minh T7 trình bày: Bà TR, ông L, ông T4, ông T5 và ông T7 là con của ông Nguyễn Văn Nh (chết ngày 14/7/2018) và mẹ là bà TR Thị Diệu (chết năm 1987). Bà TR, ông L, ông T4, ông T5, ông T7 biết được phần đất hiện bà B, bà H tranh chấp với ông Ph là do ông Nh nói lại là đất có nguồn gốc của ông bà nội tên ông TH3 và bà TR để lại. Bà TR, ông L, ông T4, ông T5, ông T7 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì đối với phần đất đang tranh chấp thuộc các thửa 618, 619, 620 tọa lạc phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã BC đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn Ph về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã BC.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không thỏa Th được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Nguyên đơn bà B, bà H yêu cầu ông Ph trả lại quyền sử dụng đất thuộc các thửa 618, 619, 620, tờ bản đồ 25, có tổng diện tích đo đạc 2.683,0m² (trong đó: H/LATĐB 919.3m², ODT 300.0m², còn lại 1.463,7m²) tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01215 QSDĐ/TH ngày 17/11/1999 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn Ph; bà B và bà H là người đang trực tiếp sử dụng. Xét thấy các thửa đất tranh chấp bị đơn ông Ph đã đăng ký, kê khai nguồn gốc đất do cha mẹ để lại và được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999 cho hộ ông Ph. Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định nguồn gốc đất tranh chấp là di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp quyền sử dụng đất” dẫn đến việc lấy lời khai, thu thập chứng cứ không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thị xã BC giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; các vấn đề về quyền khởi kiện, phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật phải giải quyết, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa các đương sự xác định ông TH3 và bà TR đã chết có các người con gồm: Ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Tí, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn Thả, bà Nguyễn Thị Chi, ông Nguyễn Văn M4, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn TH1 và ông Nguyễn Văn Th. Các đương sự chỉ biết ông Nguyễn Văn VT là con của ông Nguyễn Văn Thao; ông Nguyễn Văn Th là con của ông Nguyễn Văn Th; bà Lê Thị T4 là con của bà Nguyễn Thị M1; ông Nguyễn Văn Q là con của ông Nguyễn Văn M4. Ngoài ra, các đương sự không biết tên, địa chỉ của những người còn lại. Căn cứ vào thông tin do các đương sự cung cấp, Tòa án xác định ông VT, ông Q, ông Th, bà T4 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo Đơn khởi kiện, Biên bản làm việc, Biên bản lấy lời khai, Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận nguồn gốc các thửa đất số 618, 619, 620, tờ bản đồ số 25, có tổng diện tích đo đạc

2.683,0m² (trong đó: HLATĐB 919.3m², ODT 300.0m², còn lại 1.463,7m²) tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01215 QSDĐ/TH ngày 17/11/1999 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn Ph là của (ông bà nội, ngoại) tên ông Nguyễn Văn TH3 và bà Đoàn Thị TR để lại cho ông Nguyễn Văn TH1 và bà Nguyễn Thị B1 (là cha mẹ của các nguyên đơn, bị đơn) sử dụng. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H và bà B cho rằng đã sinh sống cùng với cha mẹ trên các thửa đất hiện tranh chấp từ nhỏ cho đến hiện nay. Năm 1989 cha chết, năm 1994 mẹ chết và trước lúc mẹ chết mẹ đã giao lại các thửa đất trên cho bà H và bà B quản lý sử dụng. Việc cho chỉ thể hiện bằng lời nói, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh.

[2.3] Bị đơn ông Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nh, ông VT, ông Q, bà T4, bà M, bà D, ông Th, ông T1 khẳng định nguồn gốc các thửa đất số 618, 619, 620, tờ bản đồ số 25, có tổng diện tích đo đạc 2.683,0m² (trong đó: HLATĐB 919.3m², ODT 300.0m², còn lại 1.463,7m²) tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc của ông TH3 và bà TR để lại. Sau khi ông Th9 chết, con ông Th9 là ông Nguyễn Văn Th về quê ngoại sinh sống nên để lại cho ông TH1 quản lý, sử dụng đất trên. Sau khi ông TH1, bà B1 chết các anh chị em (con của ông TH1, bà B1) thống nhất để ông Ph đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, nguyên đơn không có yêu cầu chia di sản thừa kế; bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đối với các thửa đất trên.

[2.4] Tại Biên bản xác minh ngày 11/12/017 và ngày 14/9/2018 của Tòa án đối với Ủy ban nhân dân phường TH thì phần đất tranh chấp thuộc các thửa đất số 618, 619, 620 tờ bản đồ số 25, có tổng diện tích đo đạc 2.683,0m² (trong đó: HLATĐB 919.3m², ODT 300.0m², còn lại 1.463,7m²) tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01215 QSDĐ/TH ngày 17/11/1999 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn Ph tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc của ông TH3 và bà TR để lại cho ông Nguyễn Văn TH1 quản lý, sử dụng. Sau khi ông TH1 chết thì ông Ph là người quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại người đang sử dụng phần đất tranh chấp là bà B và bà H. Như vậy, nội dung của biên bản xác minh nêu trên hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của các đương sự về nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng phần đất tranh chấp.

[2.5] Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ph thể hiện ông Nh là anh ông Ph đã làm Tờ ưng Th đề ngày 24/10/1998 có nội dung “*nguyên ở tại ấp 4, xã TH, huyện BC, tỉnh Bình Dương cha mẹ tôi đã qua đời, có để lại 01 căn nhà, và ruộng đất của ông bà*”. Như vậy, có căn cứ

xác định phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông TH3 và bà TR. Mặc dù ông TH3 và bà TR chết không để lại di chúc nhưng theo lời trình bày của các đương sự thì phần đất này để lại cho ông Th9 và ông TH1 quản lý, sử dụng. Ông Th9 chết con ông Th9 là ông Th về nhà ngoại sống nên không sử dụng mà để lại cho ông TH1. Ông TH1 và bà B1 chết không để lại di chúc. Các nội dung thể hiện trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã BC cung cấp hoàn toàn phù hợp với lời trình bày và thừa nhận của bị đơn ông Ph trong quá trình giải quyết vụ án “Các thửa đất số 618, 619, 620, tờ bản đồ số 25 là của cha mẹ để lại cho các con và chú út Th9, nên thực hiện theo di nguyện của cha mẹ”. Mặc dù bị đơn kê khai đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất từ năm 1998 đến năm 1999 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn để cho các nguyên đơn sinh sống; xây dựng mới; sửa sang lại nhà cũ của cha mẹ nhưng các anh chị em trong gia đình không ai có ý kiến gì. Điều này phù hợp với lời trình bày của bị đơn là thực hiện theo di nguyện của mẹ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến của ông Ph, điều này cho thấy các thửa đất hiện tranh chấp là di sản thừa kế chưa chia của ông Nguyễn Văn TH1 và bà Nguyễn Thị B1 (là cha mẹ của các nguyên đơn, bị đơn). Do vậy, các nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp thừa kế tài sản.

[2.6] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Tòa án đã giải thích cho bà B và bà H biết về nguồn gốc đất, quan hệ tranh chấp nhưng các nguyên đơn vẫn xác định chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Ph mà không tranh chấp thừa kế tài sản nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên cho thấy phần đất các đương sự đang tranh chấp thuộc các thửa đất số 618, 619, 620, tờ bản đồ số 25, có tổng diện tích đo đạc 2.683,0m² (trong đó: HLATĐB 919.3m², ODT 300.0m², còn lại 1.463,7m²) tọa lạc tại phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương là di sản do người chết để lại chưa chia. Tòa án đã giải thích lẽ ra nguyên đơn phải yêu cầu chia thừa kế tài sản nhưng lại khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn. Vì vậy, Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi khởi kiện. Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã BC giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thị xã BC giải quyết lại là không phù hợp.

Tại thời điểm xét xử phúc thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị H đã đủ 60 tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH được miễn nộp án phí. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm đối với bà H.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà B là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương về phần án phí dân sự sơ thẩm đối với bà H như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn Ph về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Đã giải quyết xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H được miễn nộp án phí. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0017704 quyền số AA/2014 ngày 13/6/2016 và Biên lai thu tiền số 0016022 quyền số AA/2016 ngày 01/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B được miễn nộp án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã BC;
- TAND thị xã BC;
- Tổ Hành chính Tư pháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

Lê Thị Kim Anh

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Lưu Thị Mỹ Hương

Phan Trí Dũng

Lê Thị Kim Anh

